

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH
HOÀNG HUY**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06 - 26
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 - 26



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200117929 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 10 tháng 01 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Ông: Đỗ Hữu Hưng	Ủy viên
Bà: Nguyễn Thị Hà	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Đỗ Hữu Hạ	Tổng Giám đốc
Bà: Trần Thị Hoàng Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Đỗ Hữu Hậu	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Nguyễn Thị Tươi	Trưởng ban
Bà: Phan Thị Thu Hương	Thành viên
Bà: Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng;

- Lập các báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Đỗ Hữu Hạ

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy được lập ngày 20 tháng 12 năm 2015, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

06
T
NH
EM
AS
EM
= 1
P
FI
C
N
T

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2015

Nguyễn Ngọc Lân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1427-2013-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		65.213.466.010	22.083.486.173
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	26.596.523.796	285.534.627
111	1. Tiền		16.596.523.796	285.534.627
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		29.887.332.573	11.189.844.189
131	1. Phải thu khách hàng		2.486.669.623	4.178.410.885
132	2. Trả trước cho người bán		27.400.660.401	7.011.094.006
135	3. Các khoản phải thu khác		2.549	339.298
140	IV. Hàng tồn kho	04	8.727.698.757	10.109.289.760
141	1. Hàng tồn kho		8.727.698.757	10.109.289.760
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.910.884	498.817.597
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		1.763.337	1.763.337
154	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	05	147.547	497.054.260
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		435.498.289.760	440.456.844.102
220	II. Tài sản cố định		99.498.289.760	104.456.844.102
221	1. Tài sản cố định hữu hình	06	44.065.348.652	50.501.117.580
222	- Nguyên giá		85.562.882.197	85.811.017.611
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(41.497.533.545)	(35.309.900.031)
227	2. Tài sản cố định vô hình	07	53.756.890.199	53.955.726.522
228	- Nguyên giá		56.329.385.890	56.344.385.890
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.572.495.691)	(2.388.659.368)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	08	1.676.050.909	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	09	336.000.000.000	336.000.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		120.000.000.000	120.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		216.000.000.000	216.000.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		500.711.755.770	462.540.330.275

001
CÔ
CHN
NG
A
4/1/14

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		31.623.203.650	25.567.424.795
310	I. Nợ ngắn hạn		31.623.203.650	25.567.424.795
312	1. Phải trả người bán		4.248.401.515	1.824.462.923
313	2. Người mua trả tiền trước		26.554.893.434	23.303.484.298
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	674.293.437	299.009.050
319	4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	11	8.019.201	2.872.461
323	5. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		137.596.063	137.596.063
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		469.088.552.120	436.972.905.480
410	I. Vốn chủ sở hữu	12	469.088.552.120	436.972.905.480
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		464.986.750.000	434.986.750.000
420	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.101.802.120	1.986.155.480
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		500.711.755.770	462.540.330.275

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hương

Kế toán trưởng



Phùng Thị Thu Hương

Lập, ngày 20 tháng 12 năm 2015
Tông Giám đốc



Đỗ Hữu Hạ

105
TY
HỮU
M TC
SC
A - TP

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	13	105.830.090.172	56.761.177.100
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		105.830.090.172	56.761.177.100
11	4. Giá vốn hàng bán	14	95.564.838.996	44.812.808.984
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10.265.251.176	11.948.368.116
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	15	15.720.257	2.041.443
22	7. Chi phí tài chính		-	185.500.000
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	185.500.000
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	16	2.806.026.197	6.219.080.746
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.474.945.236	5.545.828.813
31	11. Thu nhập khác		-	3.028.636.366
32	12. Chi phí khác	17	3.850.277.908	3.012.312.965
40	13. Lợi nhuận khác		(3.850.277.908)	16.323.401
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.624.667.328	5.562.152.214
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	18.1	1.509.020.688	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.115.646.640	5.562.152.214

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hương

Phùng Thị Thu Hương

Lập, ngày 20 tháng 12 năm 2015

Tổng Giám đốc



Đỗ Hữu Hạ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		3.624.667.328	5.562.152.214
	2. Điều chỉnh cho các khoản		6.987.794.084	3.576.057.062
02	- Khấu hao tài sản cố định		7.003.514.341	3.376.693.596
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(15.720.257)	13.863.466
06	- Chi phí lãi vay		-	185.500.000
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		10.612.461.412	9.138.209.276
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(18.433.165.648)	90.540.888.994
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		1.381.591.003	931.161.288
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		5.521.606.083	11.953.153.771
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		-	1.530.177.670
13	- Tiền lãi vay đã trả		-	(185.500.000)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(537.767.939)	(173.070.112)
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(2.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.455.275.089)	113.733.020.887
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(2.249.455.999)	(780.708.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	725.909.091
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(216.000.000.000)
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		15.720.257	2.041.443
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.233.735.742)	(216.052.757.466)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		30.000.000.000	92.000.000.000
33	2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	53.000.000.000
34	3. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(53.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		30.000.000.000	92.000.000.000

1001
CÔ
CH NH
NG K
A
V KẾ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		26.310.989.169	(10.319.736.579)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		285.534.627	10.605.271.206
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	26.596.523.796	285.534.627

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hương

Kế toán trưởng

Phùng Thị Thu Hương

Lập, ngày 20 tháng 12 năm 2015

Tổng Giám đốc



Đỗ Hữu Hạ



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200117929 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 10 tháng 01 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là: 1.200.000.000.000 đồng; Tương đương 120.000.000 cổ phần, Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Vốn thực góp tại thời điểm 31/12/2014 là: 464.986.750.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi tư tỷ, chín trăm tám mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy tại Hà Nội	Số 275 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh bất động sản
Địa điểm kinh doanh số 1	Km 9 Quốc lộ 5 mới, xã Nam Sơn, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng	Sản xuất thùng xe tải

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem: chi tiết tại Thuyết minh số 9.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe container;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán mô tô, xe máy;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Khai thác quặng sắt;
- Vận tải quặng sắt;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Xây dựng công trình công ích; Chi tiết: Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 35Kv;
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Chi tiết: Khai thác quặng bôxít; Khai thác quặng đồng, chì, niken;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Chi tiết: Bán buôn sắt, thép;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Chi tiết: Xây dựng và sửa chữa công trình giao thông;

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vecsni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn bê tông thương phẩm;
- Khai thác và thu gom than bùn;
- Sản xuất thân xe có động cơ; Rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Sản xuất xe có động cơ; Chi tiết: Sản xuất xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất mô tô, xe máy;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Chuẩn bị mặt bằng; Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Đúc sắt, thép;
- Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ khác; Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng;
- Xây dựng nhà các loại; Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa nhà các loại;
- Lắp đặt hệ thống điện; Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống báo cháy - báo động, chống trộm; Lắp đặt đường dây thông tin liên lạc, mạng máy tính và dây cáp truyền hình (gồm cả cáp quang học);
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Hoạt động tư vấn quản lý; Chi tiết: Tư vấn quản lý dự án (Nhóm C);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán; (Không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, tài chính, bất động sản);
- Đúc kim loại màu (trừ đúc vàng);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Chi tiết: bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt); Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi;
- Hoạt động cấp tín dụng khác; Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

Những người sử dụng các báo cáo tài chính (riêng) này nên đọc các báo cáo tài chính (riêng) này kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 26 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	30 năm
- Phần mềm máy tính	08 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích.

2.9. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.



2.14. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

UỶ
C
RACHNH
HANG
A
HOAN

2.17. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

2.18. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	213.645.430	192.527.794
Tiền gửi ngân hàng	16.382.878.366	93.006.833
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	-
	26.596.523.796	285.534.627

4. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.628.425.554	4.410.554.684
Thành phẩm	4.099.273.203	5.698.735.076
	8.727.698.757	10.109.289.760

5. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	437.079.977
Thuế thu nhập cá nhân	147.547	275.422
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	59.698.861
	147.547	497.054.260

6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	64.914.069.415	11.527.678.004	8.663.227.727	706.042.465	85.811.017.611
Số tăng trong năm	-	-	-	368.909.090	368.909.090
- Mua trong năm	-	-	-	368.909.090	368.909.090
Số giảm trong năm	(102.046.917)	(175.091.858)	-	(339.905.729)	(617.044.504)
- Giảm theo	(102.046.917)	(175.091.858)	-	(339.905.729)	(617.044.504)
TT45/2013/TT-BTC					
Số dư cuối năm	64.812.022.498	11.352.586.146	8.663.227.727	735.045.826	85.562.882.197
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	21.971.829.746	9.725.059.428	2.918.225.059	694.785.798	35.309.900.031
Số tăng trong năm	4.087.167.946	1.736.501.152	967.929.344	13.079.576	6.804.678.018
- Khấu hao trong năm	1.954.679.069	18.712.121	967.929.344	13.079.576	2.954.400.110
2015					
- Khấu hao các năm	2.132.488.877	1.717.789.031	-	-	3.850.277.908
trước của TSCĐ không					
sử dụng					
Số giảm trong năm	(102.046.917)	(175.091.858)	-	(339.905.729)	(617.044.504)
- Giảm theo	(102.046.917)	(175.091.858)	-	(339.905.729)	(617.044.504)
TT45/2013/TT-BTC					
Số dư cuối năm	25.956.950.775	11.286.468.722	3.886.154.403	367.959.645	41.497.533.545
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	42.942.239.669	1.802.618.576	5.745.002.668	11.256.667	50.501.117.580
Tại ngày cuối năm	38.855.071.723	66.117.424	4.777.073.324	367.086.181	44.065.348.652

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 21.364.227.132 VND

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	56.217.489.700	15.000.000	111.896.190	56.344.385.890
Số tăng trong năm	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	(15.000.000)	-	(15.000.000)
- Giảm theo	-	(15.000.000)	-	(15.000.000)
TT45/2013/TT-BTC				
Số dư cuối năm	56.217.489.700	-	111.896.190	56.329.385.890

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	2.261.763.178	15.000.000	111.896.190	2.388.659.368
Số tăng trong năm	198.836.323	-	-	198.836.323
- Khấu hao trong năm	198.836.323	-	-	198.836.323
Số giảm trong năm	-	(15.000.000)	-	(15.000.000)
- Giảm theo	-	(15.000.000)	-	(15.000.000)
TT45/2013/TT-BTC				
Số dư cuối năm	2.460.599.501	-	111.896.190	2.572.495.691

Giá trị còn lại

Tại ngày đầu năm	53.955.726.522	-	-	53.955.726.522
Tại ngày cuối năm	53.756.890.199	-	-	53.756.890.199

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng 25.828,2 m² đất tại Xã Nam Dương, An Dương, Thành phố Hải Phòng; Hình thức sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm; Thời hạn sử dụng 30 năm 22/07/2003 đến 22/07/2033.
- Quyền sử dụng 18.939,4 m² đất tại Xã Nam Dương, An Dương, Thành phố Hải Phòng; Hình thức sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm; Thời hạn sử dụng 30 năm 13/03/2002 đến 13/03/2032.
- Quyền sử dụng 352,4 m² đất tại Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Thành phố Hải Phòng; Thời hạn sử dụng lâu dài.

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1.676.050.909	-
- Công trình Thi công cọc Tòa nhà 183 Bà Triệu	1.676.050.909	-
	1.676.050.909	-

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	120.000.000.000	120.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	120.000.000.000	120.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	216.000.000.000	216.000.000.000
Công ty CP Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	80.000.000.000	80.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	136.000.000.000	136.000.000.000
	336.000.000.000	336.000.000.000

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2014 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	75,00%	75,00%	Đầu tư bất động sản

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2014 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	44,44%	44,44%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan
Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng	42,50%	42,50%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	140.120.665	299.009.050
Thuế thu nhập doanh nghiệp	534.172.772	-
	674.293.437	299.009.050

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Kinh phí công đoàn	-	2.872.461
Bảo hiểm xã hội	8.019.201	-
	8.019.201	2.872.461

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	342.986.750.000	(3.575.996.734)	339.410.753.266
Tăng vốn trong năm trước	92.000.000.000	-	92.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	5.562.152.214	5.562.152.214

11/12/2014

HỮU HẠN
TOÁN
C
TP. H

M.S.D.N

Số dư cuối năm trước	434.986.750.000	1.986.155.480	436.972.905.480
Tăng vốn trong năm nay	30.000.000.000	-	30.000.000.000
Lãi trong năm nay	-	2.115.646.640	2.115.646.640
Số dư cuối năm nay	464.986.750.000	4.101.802.120	469.088.552.120

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND	Tỷ lệ %
Ông Đỗ Hữu Hạ	182.442.050.000	39,24%	162.442.050.000	37,34%
Bà Nguyễn Thị Hà	151.344.700.000	32,55%	141.344.700.000	32,49%
Ông Đỗ Hữu Hưng	65.600.000.000	14,11%	65.600.000.000	15,08%
Ông Đỗ Hữu Huy	65.600.000.000	14,11%	65.600.000.000	15,08%
	464.986.750.000	100%	434.986.750.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	434.986.747.451	342.986.747.451
- Vốn góp tăng trong năm	30.000.000.000	92.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	464.986.747.451	434.986.747.451
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43.498.675	43.498.675
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	46.498.675	43.498.675
- Cổ phiếu phổ thông	46.498.675	43.498.675
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.498.675	43.498.675
- Cổ phiếu phổ thông	46.498.675	43.498.675
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

13. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	97.851.000.000	47.030.000.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.979.090.172	9.731.177.100
	105.830.090.172	56.761.177.100

0111
CÔNG
NH
KIE
AA
KIẾN

14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm	90.012.544.535	40.802.305.524
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.552.294.461	4.010.503.460
	95.564.838.996	44.812.808.984

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.635.777	2.041.443
Lãi bán ngoại tệ	84.480	
	15.720.257	2.041.443

16. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân công	613.292.244	984.074.456
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.317.894.273	1.899.976.019
Thuế, phí, lệ phí	309.989.991	141.864.518
Chi phí khác bằng tiền	564.849.689	3.193.165.753
	2.806.026.197	6.219.080.746

17. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	741.814.000
Chi phí từ thanh lý hàng tồn kho	-	2.270.498.965
Chi phí khấu hao tài sản cố định không sử dụng	3.850.277.908	-
	3.850.277.908	3.012.312.965

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

18.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	3.624.667.328	5.562.152.214
Các khoản điều chỉnh tăng	3.851.277.908	-
- Chi phí khấu hao tài sản cố định không sử dụng	3.850.277.908	-
- Các khoản điều chỉnh khác	1.000.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(616.760.291)	(5.562.152.214)
- Chuyển lỗ từ năm trước	(616.760.291)	(5.562.152.214)
Thu nhập chịu thuế TNDN	6.859.184.945	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 22%)	1.509.020.688	-
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế		
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(437.079.977)	(264.009.865)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(537.767.939)	(173.070.112)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	534.172.772	(437.079.977)

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	80.029.225.836	37.842.930.636
Chi phí nhân công	5.887.960.000	4.655.000.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.153.236.433	3.376.693.596
Chi phí dịch vụ mua ngoài	643.381.628	225.995.806
Chi phí khác bằng tiền	7.057.599.423	4.776.066.218
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	96.771.403.320	50.876.686.256

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.596.523.796	-	285.534.627	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.486.672.172	-	4.178.750.183	-
Cộng	29.083.195.968	-	4.464.284.810	-
			Giá trị ghi sổ kế toán	
			31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán, phải trả khác			4.256.420.716	1.827.335.384
Cộng			4.256.420.716	1.827.335.384

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2014	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.596.523.796	-	-	26.596.523.796
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.486.672.172	-	-	2.486.672.172
Cộng	29.083.195.968	-	-	29.083.195.968
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	285.534.627	-	-	285.534.627
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.178.750.183	-	-	4.178.750.183
Cộng	4.464.284.810	-	-	4.464.284.810

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2014	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác	4.256.420.716	-	-	4.256.420.716
Cộng	4.256.420.716	-	-	4.256.420.716
Tại ngày 01/01/2014				
Phải trả người bán, phải trả khác	1.827.335.384	-	-	1.827.335.384
Cộng	1.827.335.384	-	-	1.827.335.384

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

21. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng			
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Cùng Chủ tịch HĐQT	82.461.227.150	48.014.449.511
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	Cùng Chủ tịch HĐQT	15.066.000.000	-
Cho vay			
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	Cùng Chủ tịch HĐQT	10.000.000.000	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Mối quan hệ	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu về cho vay		10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	Cùng Chủ tịch HĐQT	10.000.000.000	-
Trả trước cho người bán		26.501.094.000	7.011.094.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	Công ty liên kết	26.501.094.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Công ty liên kết	-	7.011.094.000
Phải trả		25.946.134.434	23.303.484.298
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Cùng Chủ tịch HĐQT	25.946.134.434	23.303.484.298

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	185.871.500	184.215.176

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 do Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy lập.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hương

Kế toán trưởng

Phùng Thị Thu Hương

Lập, ngày 20 tháng 12 năm 2015

Tổng Giám đốc



Đỗ Hữu Hạ